TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **38**/2020/QĐST-DS	*Bình Đại, ngày 25 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 277/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968.

Bà Phạm Thị D, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông N ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng.

* *Bị đơn*:

Ông Đặng Nhựt L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp A, xã R, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Phạm Thị Kim Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Q ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị D và ông Đặng Nhựt L, bà Phạm Thị Kim Q thống nhất ranh giới giữa hai thửa đất số 336, tờ bản đồ số 37 của ông L, bà Q và thửa đất số 337, tờ bản đồ số 37 của ông N, bà D là từ điểm C đến điểm F có trong hồ sơ bản vẽ (cạnh CF đồng thời cũng trùng khớp với ranh giới theo bản đồ địa chính). Hai thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất tranh chấp số 336-1, có diện tích 195,1m^2 (gồm các điểm C-B-F-C) thuộc một phần thửa đất số 336, tờ bản đồ số 37 do ông Đặng Nhựt L và bà Phạm Thị Kim Q đang quản lý sử dụng, nay ông L và bà Q được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất trên.

- Các bên có nghĩa vụ tôn trọng ranh giới, mốc giới giữa hai thửa đất như đã thống nhất.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo)

- Ông Đặng Nhựt L và bà Phạm Thị Kim Q đồng ý chịu trách nhiệm bồi hoàn giá trị các vật dụng như bóng đèn, chòi lá, trụ điện, dây điện, lu nước ... cho phía ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị D với số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền phải trả nêu trên nếu chưa thi hành thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị D phải chịu là 5.548.000đ (Năm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng), ông N và bà D đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị D tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0007946, 0007947 cùng ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Ông N, bà D được nhận lại số tiền chênh lệch là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đặng Nhựt L và bà Phạm Thị Kim Q tự nguyện chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu